

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HOÀNG KIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim,
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL 1A đi UBND xã Hoàng
Kim; Tuyến đường từ QL 1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG KIM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng; Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Nghị Quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hoàng Kim khoá XX, kỳ họp thứ 5 về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Căn cứ Thông báo số 639/TB-TĐ ngày 19/12/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc Thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Xét đề nghị của Công chức Địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL 1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL 1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già) với những nội dung chính sau:

I. Khái quát về công trình:

Công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL 1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL 1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già) được Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật xây dựng công trình xây dựng tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 với tổng mức đầu tư là: 9.899.082.000 đồng. Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	439.981.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	8.404.708.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	254.158.000	đồng;
- Chi phí tư vấn DT xây dựng:	580.511.000	đồng;
- Chi phí khác:	109.017.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	110.707.000	đồng.

Nguồn vốn: Theo văn bản số 04/UBND-TCKH ngày 03/01/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay, công trình đang được triển khai thi công xây dựng.

II. Lý do điều chỉnh:

Trong quá trình thực hiện dự án cần điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công việc để khi công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo chịu lực, phù hợp hiện trạng và kết nối hạ tầng kỹ thuật, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

III. Nội dung điều chỉnh:

a. Tuyến 1: Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim

1. Điều chỉnh lại mặt đường:

* Từ cọc K0 đến cọc H8+10m

+ Hiện trạng: Nhiều vị trí không giải phóng được mặt bằng nên bị thiếu diện tích mặt đường.

+ Biện pháp xử lý: Điều chỉnh lại độ rộng mặt đường theo hiện trạng giải phóng được.

+ Hiện trạng: Thiết kế nhiều vị trí thiếu bó vỉa

+ Biện pháp xử lý: Bổ sung bó vỉa và đan rãnh.

2. Điều chỉnh lại diện tích lát vỉa hè:

* Từ cọc K0 đến cọc H8+10m

+ Hiện trạng: Nhiều vị trí không giải phóng được mặt bằng nên bị thiếu diện tích lát vỉa hè.

+ Biện pháp xử lý: Điều chỉnh lại diện tích lát vỉa hè theo hiện trạng giải phóng được.

* Từ cọc H8+10m đến cọc 26 (Phía trước Đài tưởng niệm)

+ Hiện trạng: Mặt đường ngoài tường rào (phía trước đài tưởng niệm) là bê tông.

+ Biện pháp xử lý: Bổ sung diện tích lát vỉa hè phía trước đài tưởng niệm.

Kết cấu: xây móng bó vỉa bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vỉa xi măng mác 75# rộng 33cm, cao 25cm. Nền vỉa hè được đắp, đầm chặt bằng đá 0,5 chiều dày 35cm. Kết cấu mặt lát theo thiết kế.

3. Tấm Composite hồ thu rãnh thoát nước:

+ Hiện Trạng: Tấm composite (loại 2) có kích thước không phù hợp, số lượng 36 tấm

+ Biện pháp xử lý: Thay đổi loại tấm composite có kích thước 70x40mm an toàn hơn chịu lực.

b. Tuyến 2: Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1

1. Rãnh thoát nước phải tuyến:

+ Hiện trạng: Rãnh phải tuyến từ cọc 5 đến cọc 6 hiện trạng tấm đan rãnh đã hư hỏng, tường rãnh đã bị sập, đồ có chiều dài là 25m. tại cọc 13 đến cọc TD2 chưa có rãnh thoát nước dọc tuyến chiều dài 14m.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tấm đan đã hư hỏng, phá dỡ toàn bộ rãnh cũ vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Xây hoàn trả rãnh thoát nước B40 chiều dài 25m và bổ sung 14m rãnh thoát nước dọc tuyến tại cọc 13 đến cọc TD2.

Kết cấu rãnh: Đáy rãnh bê tông mác 200#, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường rãnh xây bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vỉa xi măng mác 75#, trát thành trong rãnh vỉa xi măng mác 75#. Mũ mố BTCT mác 200#, đồ tấm đan bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x10cm.

2. Rãnh thoát nước trái tuyến:

+ Hiện trạng: Rãnh trái tuyến từ cọc 7 đến cọc TD1 hiện trạng tấm đan rãnh đã hư hỏng có chiều dài là 20m.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tấm đan đã hư hỏng, vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Vét bùn, khơi thông rãnh thoát nước hiện trạng. Đồ tấm đan bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x100x10cm với tổng chiều dài rãnh là 20m

3. Rãnh chịu lực qua đường tại cọc TD2, cọc 20

+ Hiện trạng rãnh tại cọc TD2: Rãnh thoát nước qua đường hiện trạng bị tắc, tấm đan hư hỏng, thành rãnh đã bị sập đổ, tổng chiều dài 8m.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tấm đan đã hư hỏng, phá dỡ toàn bộ rãnh cũ vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Xây hoàn trả bằng rãnh thoát nước chịu lực: Đáy rãnh bê tông mác 200#, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường rãnh xây bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vỉa xi măng mác 75#, trát thành trong rãnh vỉa xi măng mác 75#. Mũ mố BTCT mác 200#, đồ tấm đan bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x15cm với tổng chiều dài rãnh là 8m.

+ Hiện trạng rãnh tại cọc 20: Đã có rãnh thoát nước qua đường nổi với rãnh thoát nước dọc tuyến hiện trạng, do đường cải tạo mở rộng phải phá bỏ rãnh thoát nước dọc tuyến hiện trạng nên cần nổi dài rãnh thoát nước qua đường tới rãnh thoát nước dọc tuyến hoàn trả.

+ Biện pháp xử lý: Xây rãnh thoát nước chịu lực qua đường dài 2m nổi rãnh hiện trạng tới rãnh thoát nước dọc tuyến hoàn trả: Đáy rãnh bê tông mác 200#, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường rãnh xây bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vỉa xi măng mác 75#, trát thành trong rãnh vỉa xi măng mác

75#. Mũ mô BTCT mác 200#, đổ tẩm đan chịu lực bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x15cm.

4. Rãnh chịu lực cuối tuyến 2 bên trái

+ Hiện trạng rãnh cuối tuyến 2 bên trái tại cọc 22 tới cọc CT: Rãnh thoát nước dọc tuyến hiện trạng đã bị tắc, tẩm đan hư hỏng, thành rãnh đã bị nghiêng sập, tổng chiều dài 25m.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tẩm đan đã hư hỏng, phá dỡ toàn bộ rãnh cũ vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Xây rãnh thoát nước chịu lực dọc cuối tuyến 2 bên trái dài 25m: Đáy rãnh bê tông mác 200#, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường rãnh xây bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vữa xi măng mác 75#, trát thành trong rãnh vữa xi măng mác 75#. Mũ mô BTCT mác 200#, đổ tẩm đan chịu lực bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x15cm.

5. Mở rộng mặt đường

+ Hiện trạng ngã ba cọc P2 góc cua hẹp và cuối tuyến đường bị thắt cổ chai (bị hẹp trái tuyến)

+ Biện pháp xử lý: Tại ngã ba cọc P2, dịch vị trí kè ao để mở rộng mặt đường về phía ao. Tại cuối tuyến bên trái tháo dỡ tẩm đan đã hư hỏng, phá dỡ toàn bộ rãnh cũ vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Xây hoàn trả bằng rãnh thoát nước chịu lực dịch sang trái tuyến để mở rộng mặt đường.

+ Bổ sung khối lượng đào, đắp nền đường; khối lượng móng đường và kết cấu áo đường theo thiết kế.

c. Tuyến 3: Tuyến đường nhánh sau chợ Già

1. Rãnh thoát nước phải tuyến:

+ Hiện Trạng: Tẩm đan rãnh hiện trạng bên phải tuyến đã hư hỏng, chiều cao rãnh hiện trạng từ cọc K0 đến cọc 3 có chiều dài là 51m thấp hơn so với thiết kế là 15cm. Tường rãnh hiện trạng từ cọc 7 đến cọc TD1 có chiều dài là 14m đã bị sập, đổ.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tẩm đan đã hư hỏng, vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Vét bùn, khơi thông rãnh thoát nước hiện trạng. Đổ tẩm đan bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x10cm với tổng chiều dài rãnh là 120,5m. Xây nâng thành rãnh cao 15cm, chiều dài 51m, bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vữa xi măng mác 75#. Xây lại rãnh thoát nước phải tuyến đoạn bị sập từ cọc 7 đến cọc TD1 với chiều dài là 14m bằng gạch không nung 22x10,5x6cm vữa xi măng mác 75#.

2. Vĩa hè phải tuyến

+ Điều chỉnh rãnh và vĩa hè phải tuyến từ cọc TC1 đến cọc 9 chuyển sang tiếp nối cọc P1 chạy thẳng tới tường rào chợ Già.

+ Bổ sung diện tích mặt đường, kết cấu áo đường theo thiết kế.

3. Rãnh chịu lực qua đường tại cọc K0

+ Hiện Trạng: Rãnh thoát nước qua đường hiện trạng bị tắc, tẩm đan hư hỏng.

+ Biện pháp xử lý: Tháo dỡ tẩm đan đã hư hỏng, vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Vét bùn, khơi thông rãnh thoát nước hiện trạng. Mũ mô BTCT mác 200#, đổ tẩm đan bê tông cốt thép mác 250#, đá 1x2, kích thước 100x64x15cm với tổng chiều dài rãnh là 8m.

d. Các hạng mục khác

Phần đan rãnh của 3 tuyến thay đổi biện pháp thi công từ đổ tẩm bê tông và

lắp đặt sang đồ bê tông tại chỗ.

(Cụ thể có Hồ sơ thiết kế điều chỉnh bổ sung kèm theo)

IV. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ SAU ĐIỀU CHỈNH: 9.899.083.000 đồng

(Bằng chữ: Chín tỷ tám trăm chín mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng:	439.981.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	8.503.253.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	257.137.987	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	589.168.000	đồng;
- Chi phí khác:	109.517.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	26.000	đồng.

V. CÁC NỘI DUNG KHÁC: Thực hiện theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoằng Kim về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL 1A đi UBND xã Hoằng Kim; Tuyến đường từ QL 1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già)

Điều 2. Giao Đại diện Chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng; Thông báo số 639/TB-TĐ ngày 19/12/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoằng Hoá về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL 1A đi UBND xã Hoằng Kim; Tuyến đường từ QL 1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính xây dựng, Tài chính kế toán và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (T/h);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Quang Thành

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAU ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG

(Căn cứ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021)

**CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ HOÀNG KIM, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
(TUYỂN ĐƯỜNG TỪ QL1A ĐI UBND XÃ HOÀNG KIM; TUYỂN ĐƯỜNG TỪ QL1A ĐI THÔN 1 VÀ TUYỂN ĐƯỜNG NHÁNH SAU CHỢ GIÀ)**

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH	GIÁ TRỊ SAU ĐIỀU CHỈNH	KÝ HIỆU
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			TẠM TÍNH	439.981.000		439.981.000	Ggpmb
2	Chi phí xây dựng				8.404.708.000	98.544.530	8.503.252.530	Gxd
2.1	Chi phí xây dựng PS theo đơn giá hợp đồng					-8.763.000		
2.2	Chi phí xây dựng PS ngoài đơn giá hợp đồng					107.307.530		
3	Chi phí quản lý dự án	3,024%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	254.158.000	2.979.987	257.137.987	Gqlda
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				580.511.000	8.656.000	589.168.000	Gtv
4.1	Chi phí khảo sát địa hình				48.241.000		48.241.000	
4.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,684%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	225.582.350	5.500.000	231.082.350	
4.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,346%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	29.080.289		29.080.289	
4.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	269.202.783	3.156.382	272.359.165	
4.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.202.354		4.202.354	
4.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.202.354		4.202.354	
5	Chi phí khác				109.017.000	500.000	109.517.000	Gk
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	6.723.767		6.723.767	
5.2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (Thông tư 176/2011/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.880.826		1.880.826	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH	GIÁ TRỊ SAU ĐIỀU CHỈNH	KÝ HIỆU
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,394%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	19.481.393	500.000	19.981.393	
5.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,651%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	70.930.882		70.930.882	
5.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)			Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	10.000.000		10.000.000	
6	Chi phí dự phòng				110.707.000		26.000	Gdp
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,131%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ	110.706.521		26.004	
	Tổng cộng				9.899.082.000	110.680.517	9.899.082.517	Gxdct
	Làm tròn				9.899.082.000	110.681.000	9.899.083.000	